

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Mỹ

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phú Hữu

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Lê Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh: Bà Phan Thị Thanh Mến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 96/2022/QĐST-KDTM ngày 05/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ

Địa chỉ: Số 03, đường Tôn Đức Thắng, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu P; Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu P là bà Trương Mộng T, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Tổ 02, ấp An Nghiệp, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng L

Địa chỉ: Số 01 Vi Ba, Phường A, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ liên lạc: Số 05 Vi Ba, Phường A, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Dương Văn D. Chức vụ: Giám đốc.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Trần Thị H

Địa chỉ: Số 01, Vi Ba, Phường A, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: Số 05, Vi Ba, Phường A, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*(Chị T có mặt, ông D, bà H vắng mặt không có lý do).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bà Trương Mộng T trình bày:***

Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ (gọi là bên A) cung cấp về thi công bơm bê tông thương phẩm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng L (trước đây tên Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng H, được gọi là bên B) để thi công công trình tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do bên B tổ chức thi công.

Căn cứ vào nhu cầu mua bán giữa bên A và bên B về việc cung cấp và thi công bơm bê tông tươi để thi công công trình. Hai bên là Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ (gọi tắt là Công ty xây dựng Đ) và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng L (gọi tắt là Công ty xây dựng L) không ký kết hợp đồng bằng văn bản. Việc cung cấp và thi công bơm bê tông tươi được thỏa thuận thông qua đặt hàng bằng điện thoại. Vì vậy, những nội dung về khối lượng bê tông giá cả, thành tiền, chỉ xác định căn cứ thực tế đã thực hiện theo biên bản nghiệm thu bê tông tương phẩm qua các đợt (08 đợt).

Trong suốt quá trình thực hiện cung cấp và thi công bơm bê tông tươi, hai bên đã tiến hành nghiệm thu bê tông thương phẩm và lập biên bản đối chiếu chi tiết giá trị thực hiện về khối lượng và đơn giá thực hiện qua các giai đoạn như sau:

Bên B đồng ý mua và bên A đồng ý cung cấp thương phẩm và thi công bơm bê tông cho bên B với các lần nghiệm thu qua 8 đợt bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 1 ngày 15/5/2019; Giá trị thực hiện: 15.070.000 đồng (hóa đơn GTGT ngày 27/06/2019).

- Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 2 ngày 16/5/2019; Giá trị thực hiện: 15.070.000 đồng (hóa đơn GTGT ngày 28/06/2019).

- Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 3 ngày 17/5/2019; Giá trị thực hiện: 15.070.000 đồng (hóa đơn GTGT ngày 29/06/2019).

- Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 4 ngày 18/5/2019; Giá trị thực hiện: 16.440.000 đồng (hóa đơn GTGT ngày 30/06/2019).

- Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 5 ngày 24/5/2019; Giá trị thực hiện: 9.270.000 đồng (hóa đơn GTGT ngày 21/06/2019).

- Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 6 ngày 26/6/2019; Giá trị thực hiện: 16.200.000 đồng (hóa đơn GTGT ngày 29/07/2019).

- Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 7 ngày 27/6/2019; Giá trị thực hiện: 16.200.000 đồng (hóa đơn GTGT ngày 30/7/2019).

- Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 8 ngày 28/6/2019; Giá trị thực hiện: 16.200.000 đồng (hóa đơn GTGT ngày 31/7/2019).

Tổng giá trị bên A thực hiện cho bên B là 119.520.000 đồng. Từ khi hai bên nghiệm thu bê tông thương phẩm và lập biên bản đối chiếu chi tiết giá trị thực hiện, bên B đã thanh toán cho bên A giá trị thực hiện, bên B đã thanh toán cho

bên A số tiền là 40.000.000 đồng. Giá trị bên B còn nợ bên A với số tiền là 79.520.000 đồng. Công ty xây dựng Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty xây dựng L thanh toán số tiền còn nợ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Công ty xây dựng L không thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty xây dựng Đ. Điều này đã vi phạm nghiêm trọng những thỏa thuận và cam kết giữa hai bên trong quá trình thực hiện công việc.

Nay, Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng L trả số tiền nợ gốc là 79.520.000 đồng và lãi suất quá hạn 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi từ ngày 05/7/2019 đến ngày 05/10/2020 (15 tháng), cụ thể:  $79.520.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 15 \text{ tháng} = 9.900.240 \text{ đồng}$ . Tổng cộng tròn số tiền là 89.420.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty xây dựng L còn phải tiếp tục chịu lãi đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty xây dựng Đ rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Thị H, yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng L trả số tiền nợ gốc là 79.520.000 đồng và lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 05/7/2019 đến ngày 31/5/2022 và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/6/2022 đến khi thi hành xong số tiền nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

**Tại biên bản lấy lời khai của ông Dương Văn D trình bày:** Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng L trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng H, thay đổi tên vào năm 2019 là lần đổi tên thứ 3, đã đăng ký thay đổi tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh B. Công ty hoạt động tại số 01, Vi Ba (Số mới: 05 Vi Ba), Phường A, thành phố Vũng Tàu. Công ty đã ngừng hoạt động từ tháng 11/2020 và đã gửi Thông báo ngừng hoạt động cho Sở kế hoạch đầu tư tỉnh B vào tháng 11/2020. Công ty có mua bê tông tươi của Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ. Việc mua bán được thực hiện năm 2018, ông không nhớ chính xác số tiền bao nhiêu, chỉ xác nhận hiện nay còn nợ Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ số tiền nợ gốc là 79.520.000 đồng.

Hai bên mua bán không có ký hợp đồng, chỉ trao đổi miệng và qua điện thoại. Sau đó, Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ gửi cho Công ty biên nhận giao hàng, Công ty L ký nhận và trả tiền. Sau khi nhận tiền và hàng, Công ty xây dựng Đ phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty L.

Ông xác nhận chữ ký trong các biên bản nghiệm thu đúng là chữ ký của ông. Công ty ông vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ tháng 7 năm 2019. Công ty L chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 79.520.000 đồng cho Công ty xây dựng Đ, không đồng ý trả lãi, đề nghị Công ty xây dựng Đ không tính lãi đối với Công ty L. Ông có ý kiến do tình hình dịch bệnh Covid dẫn đến Tài chính doanh nghiệp gặp khó khăn nên ông đề nghị Công ty xây dựng Đ cho Công ty L thời hạn đến tháng 6 năm 2022, Công ty sẽ thanh toán số tiền nợ gốc cho Công ty xây dựng Đ. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Dương Văn D và bà Trần Thị H hợp lệ nhưng ông D và bà H vắng mặt không có

lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng L trả số tiền nợ gốc là 79.520.000 đồng và lãi chậm thanh toán với lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 05/7/2019 đến ngày 31/5/2022, tiếp tục tính lãi đối với số tiền nợ với mức lãi 0,83%/tháng đến khi thi hành xong số tiền nợ.

Do đại diện theo ủy quyền của Công ty xây dựng Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Thị H nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty xây dựng Đ đối với bà Trần Thị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét thấy Công ty xây dựng L mua bê tông tươi của Công ty xây dựng Đ để xây dựng công trình cho Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Cao Lãnh nhằm mục đích kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận nên quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại Điều 3 Luật thương mại.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng mua bán được thực hiện tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty xây dựng Đ yêu cầu Công ty xây dựng L trả số tiền mua bê tông tươi còn nợ gốc là 79.520.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05/7/2019 đến ngày 31/5/2022, với mức lãi suất 0,83%/tháng và tiếp tục tính lãi từ ngày 01/6/2022 đến khi Công ty xây dựng L thanh toán xong số tiền nợ, với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Công ty xây dựng Đ chứng minh bằng: Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 1 ngày 15/5/2019; Giá trị thực hiện: 15.070.000 đồng; Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 2 ngày 16/5/2019; Giá trị thực hiện: 15.070.000 đồng; Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 3 ngày 17/5/2019; Giá trị thực hiện: 15.070.000 đồng; Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 4 ngày 18/5/2019; Giá trị thực hiện: 16.440.000 đồng; Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 5 ngày 24/5/2019; Giá trị thực hiện: 9.270.000 đồng; Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 6 ngày 26/6/2019; Giá trị thực hiện: 16.200.000 đồng; Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 7 ngày

27/6/2019; Giá trị thực hiện: 16.200.000 đồng; Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm đợt 8 ngày 28/6/2019; Giá trị thực hiện: 16.200.000 đồng.

Căn cứ vào các Biên bản nghiệm thu bê tông thương phẩm do ông D ký xác nhận số tiền còn nợ là 79.520.000 đồng và tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2022 đối với ông D cũng thừa nhận hiện nay Công ty xây dựng L còn nợ Công ty xây dựng Đ số tiền mua bê tông thương phẩm là 79.520.000 đồng. Công ty đồng ý trả và xin không trả lãi. Như vậy, Các bên đã thống nhất số tiền nợ gốc và ông D cũng xác định là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ đối với Công ty xây dựng Đ từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Do đó, việc Công ty xây dựng Đ yêu cầu Công ty xây dựng L trả số tiền nợ gốc, lãi và thời gian tính lãi là phù hợp.

Tại Điều 306 của Luật Thương mại được quy định như sau: *“Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Như vậy, xác định lãi bình quân của 03 ngân hàng trên địa bàn thành phố Cao Lãnh như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp; Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp; Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp có mức lãi trung bình là  $9,7\%/năm \times 150\% = 14,55\%/năm$  để tính lãi cho số tiền nợ gốc là 79.520.000 đồng  $\times 14,55\%/năm (1,212\%/tháng) \times 34 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 33.617.742$  đồng tiền lãi chậm thanh toán. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty xây dựng Đ chỉ yêu cầu phía Công ty xây dựng L trả số tiền lãi với mức lãi suất là  $0,83\%/tháng$ , thành tiền là 79.520.000 đồng  $\times 9,96\%/năm (0,83\%/tháng) \times 34 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 23.012.557$  đồng nên việc yêu cầu lãi của Công ty xây dựng Đ thấp hơn mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên có lợi cho Công ty xây dựng L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi của Công ty xây dựng Đ đối với Công ty xây dựng L là phù hợp.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty xây dựng Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Thị H nên Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty xây dựng Đ đối với phần rút yêu cầu bà Trần Thị H.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty xây dựng Đ, buộc Công ty xây dựng L phải trả cho Công ty xây dựng Đ số tiền mua bê tông thương phẩm còn nợ gốc là 79.520.000 đồng và lãi 23.012.000 đồng (đã làm tròn số).

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty xây dựng L phải chịu án phí là 5.126.000 đồng (đã làm tròn số).

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 3, 24, 50, 306, 317, 319 Luật thương mại;

Căn cứ các Điều 30; Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng L trả số tiền mua bê tông thương phẩm còn nợ gốc là 79.520.000 đồng và tiền lãi là 23.012.000 đồng. Tổng cộng là 102.532.000 đồng cho Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ đối với bà Trần Thị H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,83%/ tháng, trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ được nhận lại số tiền 2.235.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007614 ngày 13/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. (Do Huỳnh Ngọc E nộp thay).

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng L chịu án phí kinh doanh thương mại là 5.126.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xây dựng L và bà Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Mỹ**